TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H phúc**

Bản án số: 238/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/8/2022
"V/v Tranh chấp về hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Nguyễn Trung Kiên.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Phan Thị Nga;

2. Ông Lê Văn Phụng.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Phước Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 480/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 393/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 385/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp NL, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: ấp NL, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Ngô Thành T, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp NL, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày, giữa bà H và ông Ngô Thành T do mai mối nên tiến tới chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, gia đình hai

bên có tổ chức hôn lễ cho hai vợ chồng. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng sống tại địa chỉ ấp NL, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang. Đến ngày 22/7/2002 mới thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; chung sống đến năm 2005 thì vợ chồng đi làm ăn ở tỉnh Bình Dương, từ đó phát sinh mâu Thẫn do ông T thường xuyên ăn nhậu, làm không đưa tiền cho bà để chăm lo gia đình, do đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông T còn có hành vi bạo lực gia đình, vào tháng 12/2020 bà có làm đơn yêu cầu ly hôn, Tòa án đã thụ lý giải quyết, nhưng do ông T cam kết sửa đổi, nên bà đã rút yêu cầu, nhưng sau đó ông T không thay đổi, nên từ đầu năm 2021 đến nay cả hai đã tự sống ly thân. Khi khi ly thân, hai bên gia đình có hàn gắn tình cảm cho vợ chồng, bản thân tôi đã khuyên ngăn để ông T thay đổi, tuy nhiên không thành. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên tôi yêu cầu xin ly hôn với ông T.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Ngô Thị Cẩm Th, sinh ngày 05/5/1998 và Ngô Thị Cẩm T1, sinh ngày 10/10/1999. Hiện các con tôi đã thành niên và có khả năng lao động nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về T sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Ngô Thành T vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Bà Nguyễn Thị H trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không có T liệu, chứng cứ khác giao nộp cho Tòa án chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình.

- Ông Ngô Thành T vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến, do ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Ngô Thành T vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị H và ông Ngô Thành T, có đăng ký kết hôn, nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, quá trình chung sống giữa bà H, ông T có mâu Thẫn do ông T không quan tâm chăm lo cho vợ, con, thường xuyên rượu, bia, quá trình giải quyết vụ án ông cũng không có mặt để có ý hàn gắn hôn nhân, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông T.

Về còn chung: có 02 con chung tên Ngô Thị Cẩm Th, sinh ngày 05/5/1998 và Ngô Thị Cẩm T1, sinh ngày 10/10/1999, các con chung đã thành niên, có khả năng lao động, nên không đề cập xem xét, giải quyết.

Về T sản chung, nợ chung: không có yêu cầu, nên không đề cập xem xét, giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Ngô Thành T, cả bà H và ông T đều cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H trình bày do được mai mối, tự tìm hiểu, tổ chức đám cưới năm 1997, nhưng phải đến năm 2002 mới thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; bà H, ông T đều đủ diều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong giai đoan chuẩn bị xét xử, cũng như tại phiên tòa, bà H khẳng định không còn tình cảm với ông T, nguyên nhân mâu Thẫn vợ chồng xuất phát từ việc ông T ăn chơi, nhậu nhẹt, dẫn tới vợ chồng thường xuyên cự cãi, năm 2020 bà đã có đơn yêu cầu ly hôn với ông T, nhưng khi được Tòa án hòa giải bà đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tạo điều kiện cho ông T hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng, nhưng ông T vẫn không thay đổi, nên kể từ đầu năm 2021 giữa bà với ông T đã tự sống ly thân. Trong giải đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ cho ông T, nhưng ông T không có mặt, để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ ông T đã từ bỏ quyền của mình. Cho thấy, tình cảm giữa bà H và ông T là có mâu Thẫn, nên tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc bà H yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà H xác định trong thời gian chung sống giữa bà với ông T chỉ có 02 con chung tên Ngô Thị Cẩm Th, sinh ngày 05/5/1998 và Ngô Thị Cẩm T1, sinh ngày 10/10/1999. Xét thấy, các con chung giữa bà H với ông T đã thành niên, có khả năng lao động. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[2.3] Về T sản chung: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông Ngô Thành T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 217, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức Th, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với ông Ngô Thành T;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Ngô Thành T. Giấy chứng nhận kết hôn số 86/KH, quyển số 01/2002 ngày 22/7/2002 do Ủy ban nhân dân xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Ngô Thành T, không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: bà Nguyễn Thị H và ông Ngô Thành T có 02 con chung tên Ngô Thị Cẩm Th, sinh ngày 05/5/1998 và Ngô Thị Cẩm T1, sinh ngày 10/10/1999, các con chung tên Ngô Thị Cẩm Th, Ngô Thị Cẩm T1 đã thành niên, có khả năng lao động, nên không đề cập xem xét, giải quyết.

3. Về quan hệ T sản chung: không đề cập xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: không đề cập xem xét, giải quyết.

6. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai Th tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004643 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 18 tháng 5 năm 2022; Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

Ông Ngô Thành T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo:

- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, Bà Nguyễn Thị H có mặt, có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

- Riêng ông Ngô Thành T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Ủy ban nhân dân xã LĐ B, huyện CM, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự (để thi hành) (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Kiên